TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TÂY NINH** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2018/DS-ST

Ngày: 04-7-2018

v/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thanh Hoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Mừng

2. Bà Lê Thị Một

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc Vinh - Là thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh tham gia phiên toà: Bà Trần Kim Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 193/2018/TLST-DS ngày 27 tháng 4 năm 2018 về việc "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2018/QĐ-DS ngày 13 tháng 6 năm 2018, giữa:

- Nguyên đơn: QTDND phường B; Địa chỉ: đường NTH, khu phố B, Phường B, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Ngọc Đ; Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện hợp pháp: Ông Đỗ Tấn L; sinh năm: 1958, Chức vụ: Thành viên Hội đồng quản trị. Có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1972 và ông Nguyễn Thanh B, sinh năm: 1972; Cùng địa chỉ: Đường BL, khu phố NL, phường NS, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh. Ông B vắng mặt, bà H vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 19 tháng 4 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Ông Nguyễn Thành B và bà Nguyễn Thị H có vay của QTDND phường B số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 1,1%/tháng, theo Hợp đồng tín dụng số 611256/1/HĐTD vào ngày 09 tháng 12 năm 2014. Theo thỏa thuận trong hợp đồng thì ngày tất nợ là ngày 09 tháng 01 năm 2016. Mục đích bà H, ông B vay là để chăn nuôi heo. Ông B, bà H có thế chấp 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM441009, diện tích 271,2m^2, số thửa 422, tờ bản đồ số 47, đất tọa lạc tại khu phố NL, phường NS, thành phố TN do ông Nguyễn Thành B và bà Nguyễn Thị H đứng tên.

Đến ngày tất nợ, bà H và ông B không trả nợ đúng hạn theo như cam kết trong hợp đồng, còn nợ QTDND phường B số tiền 31.265.700 đồng, trong đó nợ gốc là 24.100.000 đồng, lãi là 7.165.700 đồng. Quỹ tín dụng đã nhiều lần lập biên bản làm việc với bà H, ông B và được bà H, ông B cam kết sẽ trả nợ nhưng sau đó không thực hiện theo cam kết như trong Biên bản.

Ngày 24/01/2017, QTDND phường B khởi kiện ông B, bà H tại Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, sau đó ông B, bà H xin trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi hết nợ nên QTDND phường B đồng ý và rút đơn khởi kiện.

Từ tháng 4/2017, ông B, bà H đã trả cho QTDND phường B số tiền cụ thể như sau:

Ngày 11/4/2017 trả 3.000.000 đồng.

Ngày 15/5/2017 trả 3.000.000 đồng.

Ngày 26/6/2017 trả 3.100.000 đồng.

Ngày 08/8/2017 trả 2.000.000 đồng.

Ngày 18/9/2017 trả 2.000.000 đồng.

Sau ngày 18/9/2017, ông B, bà H không trả tiền cho QTDND phường B như đã cam kết. Hiện nay, ông B, bà H còn nợ QTDND phường B số tiền nợ gốc là 3.000.000 đồng và lãi là 9.160.500 đồng (tạm tính đến ngày 19/4/2018). QTDND phường B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông B, bà H trả số tiền nợ gốc là 3.000.000 đồng và lãi phát sinh cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Ông Nguyễn Thành B và bà Nguyễn Thị H là bị đơn không hợp tác, không đến Tòa án làm việc nên không có ý kiến trình bày.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử bảo đảm đúng về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo

quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục phiên tòa dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông B, bà H trả cho QTDND phường B số tiền là 12.291.600; trong đó tiền nợ gốc là 3.000.000 đồng, tiền lãi là 9.291.600 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Ông Đỗ Tấn L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông B, bà H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 02 nhưng vắng mặt không có lý do, Tòa án căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt QTDND phường B, ông B và bà H.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2] Về số tiền nợ gốc: Theo hợp đồng tín dụng số 611256/1/HĐTD được ký kết vào ngày 09 tháng 12 năm 2014 giữa bà H với QTDND phường B, ông B là người thừa kế thì bà H vay số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn vay là 13 tháng, từ ngày 09/12/2014 đến ngày 09/01/2016, mục đích là để nuôi heo. Thời hạn trả nợ là ngày 09/01/2016; hình thức trả nợ là trả cả nợ gốc và nợ lãi 01 lần. Sau khi tới hạn trả nợ, bà H không thực hiện đúng thỏa thuận trong hợp đồng; QTDND phường B đã nhiều lần nhắc nhở nhưng bà H không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ của bên vay, không trả nợ gốc và lãi theo thỏa thuận. Tính đến ngày 24/01/2017 còn nợ tiền nợ gốc là 16.000.000 đồng và QTDND phường B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết nợ. Ngày 23/3/2017, ông Nguyễn Thành B làm việc tại Tòa án và yêu cầu QTDND phường B cho ông và bà H trả nợ dần mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền nợ; QTDND phường B rút đơn khởi kiện và Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án nhưng sau đó ông B và bà H không thực hiện đúng cam kết. Theo các chứng từ của QTDND phường B cung cấp, tính đến ngày 18/9/2017 thì số tiền nợ gốc bà H, ông B đã trả được 47.000.000 đồng, còn nợ là 3.000.000 đồng. Từ ngày 18/9/2017 ông B, bà H không tiếp tục trả nợ theo cam kết, dư nợ gốc tính đến ngày 19/4/2018 tại QTDND phường B của bà H, ông B là 3.000.000 đồng. Do đó, yêu cầu khởi kiện của QTDND phường B yêu cầu ông B, bà H trả số tiền nợ gốc là 3.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về số tiền nợ lãi QTDND phường B yêu cầu ông B, bà H phải trả là 9.291.600 đồng:

Tại Điều 2 của Hợp đồng tín dụng số 611256/1/HĐTD được ký kết vào ngày 09 tháng 12 năm 2014 giữa bà H với QTDND phường B có quy định: *"Lãi suất 1,1%/tháng tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng hoặc tại thời điểm phát tiền vay (nếu cho vay theo mức tín dụng); trong trường hợp cần thiết sẽ được điều chỉnh theo quy*

định của Ngân hàng Nhà nước và thỏa thuận của hai bên. Lãi tiền vay bên B phải trả cho bên A chỉ tính từ ngày nhận tiền vay đến ngày trả hết nợ. Lãi suất nô quá hạn 1,65%/tháng.”. Kể từ khi vay đến nay, ông B, bà H chưa trả cho QTDND phường B tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng nên yêu cầu của QTDND phường B yêu cầu ông B, bà H phải trả số tiền lãi tính đến ngày 04/7/2018 là 9.291.600 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về tài sản bảo đảm: Theo các tài liệu, chứng cứ do QTDND phường B cung cấp thì bà H có thế chấp quyền sử dụng đất tại thửa 422, tờ bản đồ số 47, đất tọa lạc tại khu phố NL, phường NS, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh thuộc quyền sử dụng, sở hữu của bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Thành B theo Hợp đồng thế chấp tài sản của khách hàng vay vốn số 1189/HĐTC được công chứng tại Phòng công chứng Trần Duy Linh, số công chứng 9870 vào quyển số 15.TP/CC-SCC/HĐGD để bảo đảm cho khoản tiền vay. Xét thấy, hợp đồng thế chấp tài sản khách hàng vay vốn nêu trên có lập thành văn bản, có công chứng chứng thực nên Hợp đồng thế chấp có hiệu lực theo quy định tại Điều 343 của Bộ luật Dân sự 2005.

[5] Về án phí: Ông Nguyễn Thành B và bà Nguyễn Thị H phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 471, 474 và Điều 476 Bộ luật dân sự 2005; khoản 2 Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của QTDND phường B đối với ông Nguyễn Thành B và bà Nguyễn Thị H.

Buộc ông Nguyễn Thành B và bà Nguyễn Thị H trả cho QTDND phường B số tiền 12.291.600; trong đó tiền nợ gốc là 3.000.000 đồng, tiền lãi là 9.291.600 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và QTDND phường B có đơn yêu cầu thi hành án thì từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ngoài số tiền ông B, bà H phải thi hành nêu trên, ông B, bà H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Quỹ tín dụng cho vay thì lãi suất mà ông B, bà H phải tiếp tục thanh toán cho QTDND phường B theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp

với sự điều chỉnh lãi suất của quỹ tín dụng cho vay.

Trong trường hợp ông B, bà H không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ cho QTDND phường B thì QTDND phường B có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh xử lý tài sản thế chấp của ông B, bà H theo quy định của Luật thi hành án dân sự để thu hồi nợ.

4. Về án phí:

Ông Nguyễn Thành B và bà Nguyễn Thị H phải chịu 614.600 đồng án phí sơ thẩm.

QTDND phường B không phải chịu án phí sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí QTDND phường B đã nộp là 304.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng số 0005407 ngày 26 tháng 4 năm 2017 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh được hoàn lại.

5. Đương sự được quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt, niêm yết hợp lệ đối với đương sự vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án./.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Tây Ninh;
- Chi cục THADS thành phố tỉnh Tây Ninh;
- Đương sự;
- Phòng KTNV&THA – TAND tỉnh TN;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Đinh Thị Thanh Hoa